CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN QUYẾT THẮNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN QUYẾT THẮNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUYET THANG DEVELOPMENT INVESTMENT GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: QUYET THANG DIG J.S.C

2. Mã số doanh nghiệp: 3702873970

3. Ngày thành lập: 15/05/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

D400F, Khu Phố Bình Hòa, Phường Bình Nhâm, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ quán bar, vũ trường)	*5610*
2.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa)	*4663*
3.	Bán buôn thực phẩm	*4632*
4.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	*8230*
5.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ dịch thuật. Hoạt động phiên dịch	*7490*
6.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông	*6190*
7.	Đại lý du lịch (chỉ hoạt động lữ hành quốc tế sau khi có giấy phép của Tổng cục du lịch)	*7911*
8.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	*6311*
9.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	*7990*
10.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	*7211*
11.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	*7213*

12.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*
13.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. Cho thuê máy móc, thiết bị công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp. Cho thuê máy móc, trang thiết bị y tế	*7730*
14.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới chứng khoán, môi giới kết hôn, nhận cha mẹ con nuôi, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài)	*4610*
15.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế website. Thiết kế đồ họa	*7410*
16.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	*8211*
17.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	*6619*
18.	Dịch vụ liên quan đến in	*1812*
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt Chi tiết: dịch vụ giữ xe ô tô, xe gắn máy	*5221*
20.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	*8129*
21.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	*8220*
22.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	*7110(Chính)*
23.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	*5510*
24.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nhang các loại	*4773*
25.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	*7214*
26.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế (trừ tư vấn pháp lý)	*6920*
27.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí, Dịch vụ chữ ký số	*6399*
28.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	*4620*
29.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	*8219*
30.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	*7212*
31.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý doanh nghiệp (Trừ tư vấn pháp lý)	*7020*

32.	Quảng cáo	*7310*
33.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm. Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất. Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da	*4649*
34.	Cổng thông tin Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	*6312*
35.	Cung ứng lao động tạm thời	*7820*
36.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	*7830*
37.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản; Quản lý bất động sản (trừ định giá bất động sản, môi giới chứng khoán, môi giới kết hôn, nhận cha mẹ con nuôi, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài)	*6820*
38.	In ấn	*1811*
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khắc dấu, Dịch vụ tiếp thị, Dịch vụ cho thuê văn phòng. (Chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự)	*8299*
40.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Cung cấp phần mềm chữ ký số, phần mềm kế toán	*4651*
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	*5229*
42.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa mỹ phẩm, nguyên liệu tóc, nguyên liệu ngành mỹ phẩm, bao bì các loại, Bán buôn phân bón, hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp và không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn trang thiết bị y tế. Bán buôn nhang các loại.	*4669*
43.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	*1010*
44.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	*1020*
45.	Chế biến và bảo quản rau quả	*1030*
46.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	*1040*
47.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	*1050*
48.	Sản xuất các loại bánh từ bột	*1071*
49.	Sản xuất đường	*1072*
50.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	*1073*
51.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	*1074*
52.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	*1075*
53.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	*1079*

54.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản	*1080*
55.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	*1103*
56.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	*1104*
57.	Sản xuất sợi	*1311*
58.	Sản xuất vải dệt thoi	*1312*
59.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	*1313*
60.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	*1392*
61.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	*1512*
62.	Sản xuất giày, dép	*1520*
63.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	*1610*
64.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng chi tiết: Sản xuất đồ gỗ xây dựng (trừ chế biến gỗ).	*1622*
65.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	*1629*
66.	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất và gia công các loại bìa hồ sơ văn phòng, sổ tay và các phụ kiện hồ sơ văn phòng, gia công bao bì giấy, thùng carton	*1702*
67.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	*2023*
68.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	*2100*
69.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	*2211*
70.	Sản xuất sản phẩm từ plastic (trừ Sản Xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)	*2220*
71.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	*2392*
72.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	*2393*
73.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	*2394*
74.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	*2395*
75.	Sản xuất sắt, thép, gang	*2410*
76.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	*2511*
77.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	*2592*
78.	Sản xuất linh kiện điện tử	*2610*
79.	Sản xuất thiết bị truyền thông	*2630*
80.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	*2640*
81.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	*2710*
82.	Sản xuất pin và ắc quy	*2720*
83.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	*2732*
84.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	*2740*

85.	Sản xuất đồ điện dân dụng	*2750*
86.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	*2910*
87.	Sản xuất mô tô, xe máy	*3091*
88.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	*3100*
89.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	*3250*
90.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	*3290*
91.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	*3311*
92.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
93.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	*3320*
94.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm	*6622*
95.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà Nước cấm và dịch vụ điều tra)	*7320*
96.	Hoạt động nhiếp ảnh	*7420*
97.	Cho thuê xe có động cơ	*7710*
98.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm chi tiết: Hoạt động giới thiệu việc làm.	*7810*
99.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	*8110*
100.	Vệ sinh chung nhà cửa (trừ dịch vụ xông hơi khử trùng)	*8121*
101.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	*8130*
102.	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).	*8292*
103.	Bán buôn đồ uống	*4633*
104.	Vận tải hành khách đường bộ khác	*4932*
105.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	*4933*
106.	Bốc xếp hàng hóa	*5224*
107.	Bưu chính Chi tiết: Cung cấp dịch vụ bưu chính trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh	*5310*
108.	Chuyển phát Chi tiết: Chuyển phát trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh	*5320*
109.	Lập trình máy vi tính	*6201*
110.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	*6202*
111.	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	*3811*
112.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	*3821*
113.	Xây dựng nhà để ở	*4101*
114.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*

115.	Xây dựng công trình đường sắt	*4211*
116.	Xây dựng công trình đường bộ	*4212*
117.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4299*
118.	Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	*4321*
119.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở và trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	*4322*
120.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
121.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	*4542*
122.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	*6209*
123.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	*5210*

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN LUÂN	Thôn Bắc Tiến, Xã Thạch Ngọc, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20,000	184073969	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20,000		

2	NGUYỄN VĂN HẠNH	Thôn Quý Hải, Xã Thạch Ngọc, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20,000	183633332	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20,000		
3	TRẦN TRỌNG QUYẾT	Thôn Bắc Tiến, Xã Thạch Ngọc, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	50,000	184188956	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.000.000	10.000.000.000	50,000		
4	NGUYỄN HOÀNG LONG	308/33 Đường TX52, Tổ 33, Khu phố 2, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	024503483	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)*	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: TRẦN TRỌNG QUYẾT Giới tính: *Nam*
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: *21/08/1995* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: *184188956*
Ngày cấp: *09/07/2019* Nơi cấp: *CA Tỉnh Hà Tĩnh*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Bắc Tiến, Xã Thạch Ngọc, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *A1, Đường Cách Mạng Tháng 8, Khu Phố Bình Đức, Phường Bình Nhâm, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương